

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2022

V/v tranh chấp yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp CĐ, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Mai Văn S, sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp CĐ, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021 của nguyên đơn là bà Lê Thị L và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn là bà Lê Thị L và bị đơn là ông Mai Văn S chung sống với nhau vào năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi đám cưới hai vợ chồng sống chung tại ấp CĐ, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S có quan hệ với người phụ nữ khác, điều này làm tổn thương nặng nề về mặt tình cảm, không còn tin tưởng nhau, ngoài ra ông S còn dùng nhiều lời lẽ thô tục để mắng, thường xuyên đánh bà. Hiện nay, vợ chồng vẫn sống chung nhà tại ấp CĐ, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhưng mạnh ai người đó sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có hai người con chung là Mai Chí L, sinh ngày 02 tháng 10 năm 199x và Mai Chí D, sinh ngày 04 tháng 12 năm 20xx.

Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Thị L yêu cầu không công nhận bà và ông Mai Văn Sáu là vợ chồng.

Về con chung: Các con là Mai Chí L, sinh ngày 02 tháng 10 năm 19xx và Mai Chí D, sinh ngày 04 tháng 12 năm 20xx đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị L đã nộp bản chính Giấy xác nhận về việc trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Bản sao y công chứng Giấy khai sinh của anh Mai Chí L và anh Mai Chí D; Bản sao y công chứng một sổ hộ khẩu gia đình có tên chủ hộ là Mai Văn S.

* Bị đơn ông Mai Văn S: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04 tháng 5 năm 2021 bị đơn Mai Văn S thống nhất các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 07 tháng 4 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị L lập ngày 01 tháng 4 năm 2021 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn L nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn L và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021 bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Mai Văn S và ông S cư trú tại địa chỉ ấp CĐ, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Mai Văn S vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn S. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn S theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thị L trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung giữa các đương sự như sau: Nguyên đơn và bị đơn Mai Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nguyên đơn và bị đơn có chung với nhau 02 (hai) người con chung là anh Mai Chí L, sinh ngày 02/10/19xx và anh Mai Chí D, sinh ngày 04/12/20xx. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn L phù hợp với đơn xin xác nhận đề ngày 19 tháng 3 năm 2021 của nguyên đơn và giấy khai sinh của anh L và anh D mà nguyên đơn L đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*” nên Hội đồng xét xử xác định các tình tiết này là sự thật.

[3] Trong quá trình sống chung, bà Lê Thị L và ông Mai Văn S có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, bà L thừa nhận trong thời gian chung sống như vợ chồng cho đến nay bà và ông S vẫn không đăng ký kết hôn và cũng tại Giấy xác nhận trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã HĐK đề ngày 19 tháng 3 năm 2021 đã xác nhận từ năm 1991 đến nay bà L và ông S vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì: “Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không

đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Nên việc bà Lê Thị L yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà và ông Mai Văn S là vợ chồng là có căn cứ.

[4] Do quan hệ giữa bà Lê Thị L và ông Mai Văn S không được công nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết vấn đề mức độ và nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống theo yêu cầu của bà L.

[5] Về con chung là anh Mai Chí L, sinh ngày 02/10/19xx và anh Mai Chí D, sinh ngày 04/12/20xx đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng và có khả năng lao động; về tài sản chung bà Lê Thị L và ông Mai Văn S tự thỏa thuận, còn nợ chung thì bà L tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

[7] Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 235, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L:

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị L và ông Mai Văn S.

1.2. Về con chung: Do anh Mai Chí L và anh Mai Chí D đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị L và ông Mai Văn S tự thỏa thuận nên không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị L tự khai không có nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008617 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Mai Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- UBND xã HDK;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ

Nghị án kết thúc vào hồigiờphút, ngàytháng..... năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Huệ